

Số: /BC-TĐSXNLN

Phú Thọ, ngày

tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO TIẾN ĐỘ SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP**  
**Kỳ 15/8/2023**

Trong kỳ, các địa phương tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng vụ mùa. Quản lý, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi.

**1. Sản xuất vụ Mùa 2023:**

- Cây lúa: Diện tích đã gieo cấy 22.683 ha/KH 23.400 ha đạt 96,93% KH, trong đó: Lúa lai 7.355,3 ha, chất lượng cao 11.747,2 ha. Diện tích lúa đã trổ 565 ha (Yên Lập, Lâm Thao, Phù Ninh).

- Cây màu đã trồng: Ngô 4.740,6 ha/KH 4.390 ha, đạt 107,98% KH, (trong đó ngô sinh khối 353,7ha), diện tích ngô trổ cò 3.260 ha; rau các loại 4.091,9 ha/KH 4.510 ha, đạt 90,72 % KH, diện tích cho thu hoạch 1.348,5 ha, sản lượng ước đạt 20.444,5 tấn (*có biểu số liệu chi tiết đính kèm*).

**Biểu: Tình hình sản xuất so với cùng kỳ**

| STT | Chỉ tiêu           | ĐVT | TH cùng kỳ 2023 | TH trong kỳ | So sánh |        |
|-----|--------------------|-----|-----------------|-------------|---------|--------|
|     |                    |     |                 |             | %       | +, -   |
| 1   | DT lúa đã cấy      | Ha  | 23.492,50       | 22.683,0    | 96,6    | -809,5 |
|     | TĐ: - Lúa lai      | Ha  | 7.696,50        | 7.355,3     | 95,6    | -341,2 |
|     | - Lúa CLC          | Ha  | 12.221,00       | 11.747,2    | 96,1    | -473,8 |
| 2   | Gieo trồng cây màu |     |                 |             |         |        |
|     | Ngô                | Ha  | 4.430,10        | 4.740,6     | 107,0   | 310,5  |
|     | Rau các loại       | Ha  | 4.427,20        | 4.091,9     | 92,4    | -335,4 |

**2. Tình hình khác:**

- *Tình hình sâu bệnh trên cây lúa:* Cây lúa: Sâu cuốn lá nhỏ lúa 5 gây hại, diện tích nhiễm 9.583,7 ha (nhẹ 3.826 ha, trung bình 4.581,4 ha, nặng 1.176,3 ha), đã phòng trừ 6.383,4 ha (phòng trừ lần 2: 172 ha); Bệnh khô vằn, diện tích nhiễm 3.135,3 ha (nhẹ 1.772,6 ha, trung bình 1.264,1 ha, nặng 98,5ha), đã phòng trừ 1.462,5 ha (phòng trừ lần 2: 16,8 ha); bệnh sinh lý, đốm sọc vi khuẩn, chuột gây hại nhẹ.

- *Tình hình bệnh Đại trên đàn chó, mèo:* Trong kỳ, phát hiện 01 trường hợp chó mắc bệnh đại tại xã Quảng Yên (Thanh Ba). Tiếp tục theo dõi, giám sát ổ dịch chưa qua 21 ngày tại xã Hoàng Xá (Thanh Thủy).

### **3. Kỳ tới các địa phương tập trung chỉ đạo**

#### **\* Trồng trọt:**

- Tập trung chăm sóc tốt diện tích lúa đã gieo cấy và cây màu đã trồng. Tăng cường công tác kiểm tra đồng ruộng phát hiện và chỉ đạo phòng trừ kịp thời có hiệu quả các đối tượng sâu bệnh hại lúa mùa. Lưu ý các đối tượng: sâu đục thân, rầy các loại, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn,....

- Duy trì mực nước trong ruộng lúa, đặc biệt là giai đoạn lúa làm đồng - trở bông; đồng thời chủ động các biện pháp tiêu úng khi có mưa lớn xảy ra, hạn chế thấp nhất thiệt hại cho sản xuất.

#### **\* Chăn nuôi - Thủy sản:**

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm: Dịch tả lợn Châu Phi, Cúm gia cầm, Nhiệt thán trên trâu bò, Viêm da nổi cục trâu bò, Đại chó mèo.... để kịp thời phát hiện sớm, xử lý hiệu quả, không để dịch bệnh bùng phát, lây lan rộng.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trong mùa mưa lũ, tăng cường, chăm sóc, nuôi dưỡng nâng cao sức đề kháng đàn vật nuôi; chỉ đạo phát triển sản xuất chăn nuôi, quản lý hoạt động chăn nuôi, thú y và môi trường chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

- Đối với bệnh Đại: đề nghị UBND Thanh Thủy, Thanh Ba (*có chó mắc bệnh Đại chưa qua 21 ngày*) chỉ đạo quyết liệt UBND cấp xã thực hiện thống kê, rà soát và tổ chức tiêm phòng cho đàn, chó mèo thuộc diện tiêm để đảm bảo tỷ lệ theo quy định; giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, báo cáo ngay với cơ quan chuyên môn khi phát sinh trường hợp chó nghi mắc bệnh Đại để xử lý kịp thời; UBND các huyện, thành, thị tăng cường thông tin tuyên về tính chất nguy hiểm của bệnh Đại và các biện pháp phòng, chống; vận động những người bị phơi nhiễm đến ngay cơ sở Y tế để được tư vấn, tiêm phòng kịp thời, hạn chế nguy cơ người bị tử vong do bệnh Đại.

\* Tổ chức tốt công tác thường trực phòng chống thiên tai; chuẩn bị đầy đủ vật tư, trang thiết bị, lực lượng theo phương châm “4 tại chỗ” sẵn sàng ứng phó trong công tác phòng chống thiên tai./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ NN và PTNT (b/c);
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh (Ô. Nguyễn Thanh Hải);
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Website Sở;
- C.ty TNHH NN MTV KTCTTL (T/h) ;
- Lưu: VT, KTTH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Tú Anh**

# BÁO CÁO TIẾN ĐỘ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP KỲ 15/8/2023

(Kèm theo Báo cáo số        /BC-TĐSXNLN ngày        /8/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

| TT | Huyện, thành, thị | Cây lúa (ha)  |               |                |                 |              | Cây ngô (ha) |                |                |               |                           | Cây rau (ha) |                |                |           |                 |
|----|-------------------|---------------|---------------|----------------|-----------------|--------------|--------------|----------------|----------------|---------------|---------------------------|--------------|----------------|----------------|-----------|-----------------|
|    |                   | Kế hoạch      | DT gieo cấy   | Trong đó       |                 | DT lúa trỗ   | DT kế hoạch  | DT gieo trồng  | Trong đó:      |               | Diện tích trỗ cò phun râu | DT kế hoạch  | DT gieo trồng  | Trong đó       |           |                 |
|    |                   |               |               | DT lúa lai     | DT lúa CLC      |              |              |                | Ngô hạt        | Ngô sinh khối |                           |              |                | DT thu hoạch   | Năng suất | Sản lượng       |
| 1  | Việt Trì          | 460           | 275           | 36             | 53              |              | 60           | 67             | 67             |               | 40                        | 170          | 125            | 37             | 162       | 599             |
| 2  | T.X Phú Thọ       | 400           | 315           | 25,0           | 70              |              | 20           | 49             | 49             |               | 49                        | 125          | 115            | 20             | 180       | 360             |
| 3  | Đoan Hùng         | 2.100         | 2.201         | 894            | 908             |              | 620          | 517            | 512            | 5             | 517                       | 390          | 380            | 240            | 160       | 3.832           |
| 4  | Hạ Hoà            | 3.080         | 2.872         | 1.410          | 1.390           |              | 340          | 455            | 185            | 270           | 455                       | 570          | 485            | 300            | 156       | 4.680           |
| 5  | Thanh Ba          | 2.100         | 2.082         | 600            | 1.300           |              | 400          | 413            | 412            | 1             | 130                       | 520          | 480            | 126            | 139       | 1.751           |
| 6  | Phù Ninh          | 500           | 413           | 180            | 200             | 25           | 520          | 594            | 594            |               | 136                       | 250          | 260            | 28             | 170       | 476             |
| 7  | Yên Lập           | 3.400         | 3.391         | 1.311          | 1.400           | 170          | 560          | 541            | 541            |               | 541                       | 430          | 355            | 105            | 135       | 1.418           |
| 8  | Cẩm Khê           | 2.300         | 2.307         | 660            | 1.290           |              | 350          | 419            | 419            |               | 419                       | 820          | 703            | 184            | 160       | 2.944           |
| 9  | Tam Nông          | 1.200         | 1.008         |                | 1.008           |              | 60           | 258            | 203            | 55            | 132                       | 250          | 246            | 27             | 152       | 410             |
| 10 | Lâm Thao          | 2.070         | 2.092,7       | 13,0           | 1.539,0         | 370,0        | 40           | 50             | 40             | 10            | 13                        | 231          | 307            | 42             | 102       | 429             |
| 11 | Thanh Sơn         | 2.900         | 2.905         | 1.156          | 1.265           |              | 690          | 609            | 609            |               | 420                       | 380          | 230            | 100            | 146       | 1.460           |
| 12 | Thanh Thủy        | 450           | 381           | 70             | 299             |              | 350          | 388            | 388            |               | 308                       | 200          | 277            | 110            | 150       | 1.650           |
| 13 | Tân Sơn           | 2.440         | 2.441         | 1.000          | 1.025           |              | 380          | 380            | 367            | 13            | 100                       | 174          | 130            | 30             | 145       | 435             |
|    | <b>Tổng cộng</b>  | <b>23.400</b> | <b>22.683</b> | <b>7.355,3</b> | <b>11.747,2</b> | <b>565,0</b> | <b>4.390</b> | <b>4.740,6</b> | <b>4.386,9</b> | <b>353,7</b>  | <b>3.260,0</b>            | <b>4.510</b> | <b>4.091,9</b> | <b>1.348,5</b> |           | <b>20.444,5</b> |





